

NGHIÊN CỨU VẬN DỤNG THUYẾT “TAM QUYỀN PHÂN LẬP” VÀO XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PHẠM THÀNH NAM*

Thuyết “Tam quyền phân lập” hay thuyết “Phân quyền” hoặc nguyên tắc “Tam quyền phân lập” trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước chiếm một vị trí đáng kể trong lịch sử các học thuyết chính trị - pháp luật thế giới. Nó là sản phẩm của văn hóa nhân loại, được hình thành, phát triển trong điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội ở các nước phương Tây, nhưng đã được nhiều nhà nước trên thế giới coi đó là một trong những phương thức hiệu quả để tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước trong xây dựng nhà nước pháp quyền.

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân theo nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan thực hiện các chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu học thuyết phân quyền để tìm ra những yếu tố hợp lý, tiến bộ vận dụng vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam là điều rất quan trọng, cần thiết.

I. Nội dung của thuyết “Tam quyền phân lập”.

Thuyết “Tam quyền phân lập” do nhà xã hội học người Pháp là Môngtexkiơ đưa ra ở thế kỷ XVIII. Chịu ảnh hưởng từ những quan điểm, tư tưởng tiến bộ của các nhà tư tưởng thời cổ đại, trung, cận đại về công bằng, bình đẳng, dân chủ trong mối

quan hệ với cách tổ chức nhà nước, vai trò của nhân dân tham gia vào tổ chức bộ máy nhà nước, vào quá trình làm luật của nhà nước, trên cơ sở nghiên cứu sâu sắc thực trạng các quan hệ xã hội, quyền lực trong chế độ chuyên chế phong kiến đương đại. Môngtexkiơ đã xây dựng nên học thuyết của mình.

Môngtexkiơ phê phán gay gắt chế độ quân chủ chuyên chế ở Pháp thời bấy giờ, lên án việc vua nắm toàn bộ quyền lực trong tay dẫn tới chỗ độc đoán, lạm quyền, tùy tiện: quyền lực nhà vua thậm chí bao trùm cả khối óc của thần dân, bắt thần dân phải nghĩ những gì có lợi cho vua. Theo ông: chủ nghĩa cực quyền không thể dung hòa với tự do, vì vậy, cần phải xóa bỏ. Ông cho rằng chính thể cộng hòa có tính ưu việt nhưng ông vẫn đề cao chính thể quân chủ lập hiến. Hình thức nhà nước là cái quyết định nội dung của luật và hệ thống luật lệ và yếu tố chính trị có ý nghĩa to lớn đối với nội dung của pháp luật, thậm chí có ảnh hưởng nhiều tới môi trường địa lý.

Quan niệm của Môngtexkiơ là tự do chính trị gắn bó chặt chẽ với sự tự do của công dân và sự tự do của công dân chỉ có được khi pháp luật được tuân thủ nghiêm ngặt. Để đạt được điều đó, theo ông, trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước cần phải có sự phân quyền: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp thuộc

* Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thái Bình.

về các cơ quan khác nhau thực hiện độc lập và ba quyền này hạn chế lẫn nhau, đối trọng với nhau. Theo luận giải của ông, nếu như quyền hành pháp, quyền lập pháp nằm trong tay một người hoặc một cơ quan thì sự tự do sẽ không có, bởi vì sẽ có nguy cơ ông vua hay nghị sĩ nào đó sẽ ban hành các đạo luật tàn bạo để rồi áp dụng đạo luật đó cũng theo kiểu tàn bạo; trường hợp quyền tư pháp gắn với quyền lập pháp thì cuộc sống và sự tự do của công dân sẽ đặt dưới quyền lực của sự tùy tiện, bởi vì quan tòa chính là người làm luật; và khi quyền tư pháp gắn với quyền hành pháp thì quan tòa dễ trở thành kẻ áp bức. Đặc biệt, sự tự do của công dân sẽ không thể có được nếu như ba quyền này rơi vào tay một người, vì khi đó sẽ là sự ngự trị của sự lạm quyền, chuyên chế, độc đoán, tùy tiện.

Do vậy, muốn đảm bảo tự do cho công dân, theo Môngtexkiơ, ba quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp) phải thuộc về ba cơ quan khác nhau: quyền lập pháp hoàn toàn thuộc nghị viện (cơ quan đại diện của nhân dân được lập ra qua phổ thông đầu phiếu); quyền hành pháp - thực hiện pháp luật, chấp hành pháp luật - thuộc về chính phủ (trong chính thể quân chủ lập hiến quyền này thuộc về vua); và quyền tư pháp - quyền xét xử những vi phạm pháp luật, tội phạm, những tranh chấp, xung đột trong xã hội - thuộc về các tòa án.

Thuyết phân quyền của Môngtexkiơ ảnh hưởng khá lớn tới các quan niệm lý luận sau này về chế độ nhà nước, tổ chức nhà nước, tới quá trình lập hiến của các nhà nước tư sản và thực tiễn pháp luật - nhà nước ở nhiều nước. Tư tưởng của ông về thành lập cơ quan đại diện của nhân dân đã chĩa mũi nhọn chống lại chế độ chuyên chế và sau này đã được ghi nhận trong bản Tuyên ngôn về các quyền của con người và của công dân năm 1789 của nước Pháp. Tư tưởng của ông cũng đã được vận dụng khi xây dựng Hiến pháp của Pháp năm 1789

và đặc biệt thể hiện rất rõ trong Hiến pháp của Hoa Kỳ năm 1787.

Thuyết “Tam quyền phân lập” đã đưa ra mô hình thực hiện cơ chế quyền lực nhà nước, theo đó, thì sự phân bố quyền lực giữa các cơ quan nhà nước phải bảo đảm sao cho không có cơ quan nào nắm trọn vẹn quyền lực nhà nước trong tay mình; đồng thời, không có cơ quan nào không bị ràng buộc bởi pháp luật, không có cơ quan nào nằm ngoài sự giám sát, kiểm tra từ phía các cơ quan khác. Nội dung của mỗi “quyền” và mối quan hệ giữa các “quyền” này, theo thuyết “Tam quyền phân lập” được hiểu như sau:

Thứ nhất, quyền lập pháp.

Quyền lập pháp thuộc về nghị viện (quốc hội) - cơ quan đại diện của nhân dân, được lập ra qua phổ thông đầu phiếu. Lập pháp nghĩa là làm ra luật. Luật là hình thức cao nhất của việc thực hiện quyền lực nhà nước, không chỉ vì hiệu lực pháp lý của nó mà còn vì sự ủy quyền pháp lý - luật do chính những đại biểu do nhân dân bầu ra xây dựng nên. Nếu quan niệm luật là ý chí của nhà nước được đề lên thành luật thì đây là ý chí của nhân dân, vì thông qua bầu cử, nhân dân đã ủy quyền cho những đại diện của mình. Nhiều khi ý chí của nhân dân cũng được biểu thị một cách trực tiếp: khi thông qua đạo luật cơ bản (Hiến pháp) người ta đã phải dùng tới hình thức trưng cầu ý kiến nhân dân. Giới hạn, phạm vi của quyền lập pháp phải do Hiến pháp quy định.

Thứ hai, quyền hành pháp.

Quyền hành pháp chính là quyền thi hành pháp luật, cơ quan thực hiện quyền hành pháp (cơ quan hành pháp) tức là cơ quan thừa hành sự ủy quyền từ phía cơ quan khác - cơ quan lập pháp. Đã là hành vi được thực hiện theo sự ủy quyền thì không thể vượt ra khỏi phạm vi, giới hạn được ủy quyền. Nếu như quyền của cơ

quan lập pháp là quyền phái sinh từ cử tri thì quyền của cơ quan hành pháp là quyền phái sinh từ cơ quan lập pháp. Nếu xét từ phương diện quyền lực thì quyền hành pháp không phải là quyền lực độc lập, mà là quyền lực chấp hành; hoạt động của nó không phải do chính nó tự đề ra. Hoạt động của cơ quan hành pháp luôn trực tiếp động chạm tới quyền của công dân cho nên hoạt động của nó phải thực hiện trên cơ sở có sự ủy quyền, sự tán thành của cơ quan lập pháp - cơ quan đại diện của nhân dân. Sự tán thành đó phải được biểu thị dưới hình thức luật. Điều đó có nghĩa là mọi hành vi của cơ quan hành pháp có liên quan trực tiếp tới quyền và nghĩa vụ của công dân đều dựa trên cơ sở luật. Nội dung các quyết định pháp lý và hành vi cụ thể của cơ quan hành pháp đều phải do luật điều chỉnh.

Thứ ba, quyền tư pháp.

Theo thuyết “Tam quyền phân lập”, muốn thực hiện tư tưởng về sự kiểm chế, đối trọng giữa ba quyền thì quyền tư pháp phải thực hiện chức năng kiểm tra đối với hoạt động của quyền lập pháp và hành pháp. Sự kiểm tra đó là sát sao, những vi phạm từ phía cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, những người có chức vụ và mọi công dân đều phải xem xét công minh “đúng người, đúng tội” trên cơ sở luật.

2. Những cơ sở và nguyên tắc kế thừa, vận dụng thuyết “Tam quyền” vào xây dựng, tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam từ năm 1946 đến nay

Việc phân tích bản chất pháp lý của nguyên tắc phân quyền và thực tiễn đời sống của nhà nước ở các nước trên thế giới cho thấy thuyết “Tam quyền phân lập” chứa đựng những hạt nhân hợp lý và tiến bộ mà chúng ta không thể phủ nhận hoàn toàn. Mặt tích cực nhất của thuyết “Tam quyền” này là ở chỗ: cơ chế phân chia quyền lực đã có tác dụng nhất định trong

việc ngăn chặn nguy cơ tập trung quyền lực nhà nước trong tay một cá nhân hay một nhóm người, cơ quan, tổ chức chính trị hay tập đoàn cầm quyền nào đó như là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự lạm quyền, tiếm quyền: cơ chế này trong chừng mực nhất định cũng lại có tác dụng bảo vệ công dân khỏi những hành vi tùy tiện, độc đoán và những quyết định mang tính chất quan liêu, hành chính, mệnh lệnh, gây phiền nhiễu từ phía cơ quan và công chức trong bộ máy nhà nước.

Tuy nhiên, thuyết “Tam quyền phân lập” cũng có những hạn chế nhất định. Hêghen đã từng chỉ rõ: phân chia quyền lực chỉ nên dừng lại ở khái niệm, nếu sự phân chia quyền lực vượt giới hạn của khái niệm và trở thành hiện thực thì quyền lực sẽ không thể nào còn thống nhất lại được nữa. Các nhánh quyền lực tách rời nhau tới mức phân liệt, kiểm chế - đối trọng, đối lập và chống lại nhau. Lúc đó, muốn có được quyền lực nhà nước thống nhất lại phải dùng đến đại bác. Thực tiễn nước Nga đã cho thấy điều đó (tháng 10-1993, cơ quan hành pháp đã dùng đại bác bắn vào tòa nhà quốc hội), thì lời cảnh báo trên đây của Hêghen là hoàn toàn có cơ sở. Do vậy, áp dụng hay không áp dụng thuyết phân quyền, áp dụng triệt để hay chỉ sử dụng hạt nhân hợp lý của thuyết phân quyền còn phải xem xét đến hoàn cảnh cụ thể của từng nước.

Thực tiễn ở Việt Nam, trong tổ chức bộ máy nhà nước, khi tiếp thu những nhân tố hợp lý trong cách tổ chức nhà nước theo thuyết “Tam quyền phân lập”, chúng ta phải quán triệt những nguyên lý cơ bản là:

- Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Quyền lực nhà nước là thống nhất trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- Tổ chức và hoạt động của Nhà nước

dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Việc kế thừa và tiếp thu những hạt nhân hợp lý của thuyết phân quyền thể hiện rõ trong *Hiến pháp* Việt Nam, đặc biệt là ở *Hiến pháp* 1946 và *Hiến pháp* 1992 (sửa đổi, bổ sung).

Theo *Hiến pháp* năm 1946, cơ cấu quyền lực nhà nước Việt Nam gồm ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quyền lập pháp thuộc về Nghị viện nhân dân; quyền hành pháp thuộc về Chính phủ do Chủ tịch nước đứng đầu; quyền tư pháp thuộc về Tòa án tối cao, các tòa phúc thẩm, các tòa đệ nhị cấp. Nhưng khi quy định thẩm quyền cụ thể các cơ quan ấy đã hình thành cơ chế: “Chủ tịch nước không phải chịu trách nhiệm nào, trừ khi phản bội Tổ quốc”; “Nghị viện... lập một tòa án đặc biệt để xét xử” khi Chủ tịch nước phạm tội phản bội tổ quốc.

Chủ tịch nước có quyền kiến nghị xem xét lại những đạo luật do Nghị viện thông qua, còn Nghị viện có quyền biểu quyết tín nhiệm Nội các, nhưng trong thời hạn 24 giờ sau... Chủ tịch nước có quyền đưa vấn đề tín nhiệm ra Nghị viện thảo luận lại... nếu Nội các mất tín nhiệm phải từ chức.

Cách thức tổ chức quyền lực của *Hiến pháp* 1946 nhấn mạnh về phân công quyền lực, nhưng Nghị viện nhân dân vẫn là “cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”, và “giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ kí với nước ngoài”. Đây là một đặc thù trong điều kiện của Việt Nam; đồng thời cũng phản ánh quan điểm tập quyền “quyền lực cao nhất thuộc về Nghị viện nhân dân” và sự phân công lao động quyền lực trong bộ máy nhà nước nhằm tạo ra cơ chế kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước.

Hiến pháp năm 1959 cũng thể hiện khá rõ, đầy đủ quan điểm quyền lực nhà nước

thống nhất thuộc về nhân dân; quan điểm tập quyền, tập trung quyền lực cao nhất vào Quốc hội, thể hiện ở những quy định: “Tất cả quyền lực trong nhà nước... thuộc về nhân dân”... “Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất”. Còn Hội đồng Chính phủ chỉ là “cơ quan chấp hành của Quốc hội và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất”.

Tinh thần tổ chức nhà nước nêu trên tiếp tục được khẳng định trong *Hiến pháp* 1980 và hoàn thiện trong *Hiến pháp* 1992 (sửa đổi, bổ sung). *Hiến pháp* 1992 đã thể hiện rất rõ cách thức phân công quyền lực trong bộ máy nhà nước nhưng vẫn đảm bảo quyền lực thống nhất thuộc về nhân dân.

3. Nội dung cơ bản của cách thức tổ chức quyền lực trong bộ máy nhà nước: quyền lực nhà nước là thống nhất được phân công và phối hợp trong bộ máy nhà nước (*Hiến pháp* 1992).

Thứ nhất, quyền lực nhà nước là thống nhất

Các *Hiến pháp* Việt Nam đều ghi nhận: nhân dân là cội nguồn, là chủ thể của mọi quyền lực. Nhân dân là một cộng đồng người gồm các dân tộc, giai cấp và tầng lớp khác nhau sống trên cùng lãnh thổ quốc gia tạo thành một thể thống nhất, do đó, quyền lực nhà nước của họ cần phải thống nhất.

Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội - đại diện cao nhất của nhân dân nắm toàn quyền lập pháp, thực hiện quyền giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước.

Các cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) do dân bầu ra theo nguyên tắc dân chủ: phổ thông đầu phiếu và hoạt động trong khuôn khổ *Hiến pháp*, pháp luật.

Sự thống nhất trong cơ quan hành pháp được thể hiện việc xây dựng hệ thống hành chính từ trung ương tới địa phương. Hoạt

động hành pháp được phân biệt với đời sống dân sự, kinh doanh, phải liên tục để giải quyết công việc của công dân và phục vụ công cộng, cần phải phân biệt hành chính quản lý với hành chính tài phán trong quản lý nhà nước. Trong quyền lực nhà nước, cần những cơ chế giám sát, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong lập quy, áp dụng pháp luật, tổ chức, chỉ huy và điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước.

Quyền lực thống nhất của nhà nước được bảo đảm bằng hoạt động tư pháp, đặc biệt là xét xử. Xét xử có mục đích cuối cùng là bảo đảm sự tuân theo luật của xã hội và nhà nước.

Thứ hai, phân công ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Quyền lập pháp là thẩm quyền ban hành các quy phạm pháp luật được thực hiện bằng hoạt động quyết định về luật của Quốc hội và ủy quyền của Quốc hội cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra pháp lệnh. Trong quá trình lập pháp có nhiều cơ cấu nhà nước tham gia, phối hợp bằng việc thực hiện các thẩm quyền: kiến nghị về luật, soạn thảo và trình dự án luật, thẩm tra dự án luật.

Quyền hành pháp là quyền thi hành pháp luật và tổ chức đời sống xã hội theo pháp luật. Quyền hành pháp được thực hiện bởi các thẩm quyền: ban hành chính sách quản lý, ra quyết định quy phạm pháp luật bằng hoạt động lập quy, áp dụng pháp luật bằng việc ra quyết định hành chính cá biệt – cụ thể, tổ chức phục vụ đời sống xã hội, để bảo đảm thực hiện lợi ích công cộng tức là điều hành hoạt động của xã hội.

Những thẩm quyền trên được thực hiện bởi bộ máy hành chính nhà nước và sự kết ước bằng hợp đồng hành chính tạo thành hoạt động công vụ nhà nước. Trong đó, nền hành chính có vai trò quyết định. Nói cách

khác, hành chính là hoạt động dưới quyền lực của pháp luật.

Quyền tư pháp là quyền tài phán bằng hoạt động xét xử theo pháp luật tố tụng của các tòa án. Đó là sự phán xét tính hợp hiến, hợp pháp của các quyết định pháp luật và sự phán quyết về hành vi tội phạm, tranh chấp dân sự, kinh tế, lao động và tranh chấp hành chính. Trong xét xử, trước hết các tòa án nhân danh nhà nước, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật phán quyết hành vi của công dân; định tội đối với người vi phạm pháp luật hình sự, giải quyết tranh chấp dân sự trong nhân dân. Cùng với việc “xử dân”, tòa án còn có quyền “xử quan”, tức là phán xét các văn bản vi hiến và các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật gây thiệt hại cho nhân dân, bị dân khiếu kiện ra tòa án.

Thứ ba, phân công các quyền theo đơn vị hành chính nhà nước

Theo quy định của pháp luật hiện hành ở nước ta, quyền lập pháp chỉ thuộc về Quốc hội và chỉ được ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên không được phân xuống các đơn vị hành chính địa phương, hay địa phương không có quyền lập pháp. Còn quyền tư pháp được thực hiện theo nguyên tắc: khi xét xử, thẩm phán nhân danh nhà nước, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, không phụ thuộc vào bất cứ cơ quan hoặc cấp hành chính nào.

Quyền hành pháp được triển khai xuống các đơn vị hành chính nhà nước trong mối quan hệ chặt chẽ với quyền tự chủ, tự quản của dân cư mỗi cộng đồng hành chính lãnh thổ. Quyền hành pháp được thực hiện bởi các cơ quan chính quyền địa phương và các cơ cấu, tổ chức ngoại thuộc (thuộc hệ thống dọc trên trung ương).

Chính quyền địa phương thực hiện quyền hành pháp theo các hướng:

- Thực hiện pháp luật và thực hiện quyết định của các cơ quan nhà nước cấp trên.

- Quyết định các chủ trương, biện pháp bằng việc ra nghị quyết để giải quyết các vấn đề quan trọng thuộc quyền tự chủ của cộng đồng hành chính.

- Giám sát hoạt động thi hành pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương đối với tất cả các cơ quan, tổ chức, công dân trên lãnh thổ hành chính.

Các hướng nêu trên được thực hiện bởi hai loại cơ quan: Hội đồng nhân dân - nghị quyết về các công việc của địa phương và bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên bằng hoạt động quyết định tập thể tại kì họp và giám sát; Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, có quyền quyết định và tổ chức thực hiện quyết định của chính mình, của cơ quan cấp trên, của Hội đồng nhân dân cùng cấp và tổ chức thực thi pháp luật.

Với cách thức tổ chức quyền lực của nhà nước ở nước ta như trên, có thể thấy rõ rằng: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, ba quyền không hạn chế nhau, không đối trọng nhau mà chỉ kiểm tra, giám sát lẫn nhau.

Ở các nhà nước tư sản theo chế độ đa đảng, luôn tồn tại sự đấu tranh đòi giành các quyền giữa các chính đảng. Ngược lại, ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của một chính đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam nên dễ dàng xây dựng được cơ chế phối hợp đồng bộ và nhất trí giữa các cơ quan nhà nước thực hiện các quyền năng khác nhau. Hơn nữa, xuất phát từ lý tưởng giải phóng giai cấp vô sản và xóa bỏ mọi bất công trong xã hội, lợi ích của Đảng Cộng sản phù hợp với lợi ích đông đảo quần chúng nhân dân, nên tạo được sự thống nhất, đồng thuận trong việc sử dụng quyền năng của quyền lực công cộng. Bởi vậy, việc “phân quyền” ở đây chủ yếu là

mang ý nghĩa “kĩ năng quản lý hợp lý”, hay là sự “phân công lao động quyền lực” chứ không phải theo nghĩa “ân chia chính trị” như ở các nước tư bản.

Từ những phân tích trên có thể đi tới kết luận rằng, việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay, đòi hỏi phải kế thừa “kĩ năng quản lý nhà nước” từ nguyên tắc “tam quyền phân lập”, song cũng đòi hỏi phải loại bỏ khuynh hướng “phân quyền chính trị” mà các nhà nước pháp quyền tư sản hiện nay đang sử dụng. Đó chính là sự vận dụng phép biện chứng giữa tính phổ biến và tính đặc thù vào trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền và nền dân chủ XHCN ở nước ta hiện nay □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB, CTQG, H.2006, tr.126 - 127.
2. GS.TS Nguyễn Văn Huyền: Hệ thống chính trị Anh, Pháp, Mỹ, NXB. LLCT, H.2007, tr.306 - 307.
3. TS.Đỗ Trung Hiếu: *Một số suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay*, NXB, CTQG, H.2004, tr. 154 - 163.
4. TS.Trần Hậu Thành: *Cơ sở và thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*. NXB.LLCT, H.2006, tr.123 - 130.
5. Viện Thông tin khoa học xã hội: *Thuyết “Tam quyền phân lập” và bộ máy nhà nước tư sản hiện đại*, NXB. KHXH, 1992, tr. 5 - 17.
6. Phạm Thế Lực: *Vấn đề tập trung và phân quyền trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước*. Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh. Viện Chính trị học: Chính trị học, những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB. LLCT, H.2007, tr. 42 - 52.
7. Học viện Hành chính quốc gia: *Những vấn đề cơ bản về tổ chức quyền lực nhà nước*. Trong sách *Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính (tài liệu bồi dưỡng về quản lý nhà nước cho chuyên viên cao cấp)*, NXB. KHKH, H.2007, tr. 25- 51.
8. Môngtexkiơ: *Tinh thần pháp luật*, tr.101 - 202 (về phương thức tổ chức nhà nước).